

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2025/DS – ST.

Ngày: 06/8/2025.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vi Na.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đăng Vạn.
2. Bà Trần Thị Hương.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Trà Mi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 5873/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2025/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, 266- 268 NK, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Vũ Thị TT – Sinh năm: 1999. (vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu 6, 278 NK, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 8426/2024/UQ-TGD ngày 22/11/2024).

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ: S.302 VG, 512 N, phường B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng), lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị TT trình bày:*

Ngày 20/4/2022, bà Tiệm có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng)

Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Tiệm, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: loại thẻ VS payWave Cre Platinum; Số thẻ là 436438 - 1442; Hạn mức: 10.000.000 đồng; lãi suất áp dụng là 2.4%.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Tiệm đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.723.840 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Tiệm đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 44.802.340 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Tiệm vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đồng thời khởi kiện khách hàng.

Tính đến ngày 06/8/2025, bà Tiệm còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc là 10.592.938 đồng; Lãi quá hạn là 11.634.210 đồng; Tổng cộng là 22.227.148 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 10.592.938 đồng với lãi suất quá hạn là 3.6%( 2.4% x 150%)/ tháng (lãi trong hạn 2.4% ) từ ngày 06/3/2023 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Tiệm có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Tiệm vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T trả một lần cho Ngân hàng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực toàn bộ số tiền nợ 22.227.148 đồng cụ thể như sau: Dư nợ gốc là: 10.592.938 đồng và lãi quá hạn là: 11.634.210 đồng. Và bà Nguyễn Thị Tiệm có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do cũng như không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của bà T đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do bà T vắng mặt nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng, Quyết định

đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay (gồm tiền gốc và tiền lãi quá hạn) mà bà T vay theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 20/4/2022, nên đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015.

Do bị đơn có địa chỉ tại phường Long Bình (phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nay là Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025).

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ:

Theo nội dung Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 20/4/2022, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng là thẻ VS payWave Cre Platinum, số thẻ 436438 - 1442, hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2.4%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc hai bên thỏa thuận mức lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt cho đến nay bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.723.840 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 44.802.340 đồng.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 06/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt và không gửi ý kiến, giấy tờ tài liệu liên quan đến tranh chấp nêu trên cho Tòa án.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả toàn bộ số tiền nợ 22.227.148 đồng (nợ gốc là 10.592.938 đồng, nợ lãi là 11.634.210 đồng). Trả một lần cho Ngân hàng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.111.357 đồng nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Luật số 81/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội;

Áp dụng Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Áp dụng Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Áp dụng Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 06/8/2025 theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 20/4/2022 là 22.227.148 đồng (nợ gốc là 10.592.938 đồng, nợ lãi là 11.634.210 đồng). Trả một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần S ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo quyết định của Tòa

án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.111.357 đồng nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 468.586 đồng theo Biên lai thu số 0079222 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. HCM;
- VKSND KV2;
- Phòng THADS KV2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vi Na**